

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2025/DS-ST
Ngày: 17-9-2025
V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng
đất, hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo
dỡ công trình xây dựng trên đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Điệp

Ông Ngô Tấn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2-Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 (LT) về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ công trình xây dựng trên đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 459/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc L, sinh năm 1943

Nơi cư trú: 134/109/76 đường L, phường X (phường V, Quận C), Tp ..

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông Ngô Xuân T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ A, ấp V, xã L (thị trấn L, huyện L), tỉnh Đồng Nai.

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 22/10/2022)

Số điện thoại: 0902.410.646

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị L1, sinh năm 1974

Nơi cư trú: ấp B, xã B (xã B, huyện L), tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

+ Ông Trần Đại N, sinh năm 1996

Nơi cư trú: tổ A, phường P (phường P, thành phố P), tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ liên hệ: 409, DDT, xã L (xã B, huyện L), tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 0931.616.615

+ Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Làng T, xã I (xã I, huyện C), tỉnh Gia Lai.

+ Ông Đặng Hữu Đ, sinh năm 1995

Nơi cư trú: thôn L, xã K, tỉnh Đắk Lắk

Cùng địa chỉ liên hệ: C đường N, ấp P), xã L (thị trấn L, huyện L), tỉnh Đồng Nai.

(Theo giấy ủy quyền ngày 05/6/2024)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1948

Nơi cư trú: số A L, phường X (phường V, Quận C), Tp ..

3.2. Ông Phạm Văn L2, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Số nhà F, tổ B, ấp A, xã L (xã B, huyện L), tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 0797.915.874

3.3. Ông Đoàn Văn S, sinh năm 1966

3.4. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1969

Cùng nơi cư trú: tổ B, ấp A, xã B (xã B, huyện L), tỉnh Đồng Nai.

3.5. Bà Đoàn Thanh S1, sinh năm 1957

3.6. Ông Lê Thanh H1, sinh năm 1954

Cùng nơi cư trú: ấp E, xã A (xã A, huyện L), tỉnh Đồng Nai.

3.7. Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Đồng Nai (tên gọi trước khi sáp nhập là UBND xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai).

Địa chỉ: khu A, xã B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T, ông Đ, bà L1 và ông S có mặt; các đương sự khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Ngọc L ủy quyền cho ông Ngô Xuân T đại diện trình bày:

Ông Trần Ngọc L có một phần đất thuộc thửa số 185 tờ bản đồ số 01 xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Nguồn gốc đất do ông Trần Ngọc L nhận chuyển nhượng của bà Đoàn Thanh S1 vào năm 2008 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2008 và đã được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2012.

Trong quá trình sử dụng, bà L1 ở gần đất của ông L đã lấn chiếm diện tích 106,8m² thuộc thửa số 185 tờ bản đồ số 01 xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai và xây dựng chuồng trại chăn nuôi trên đất.

Do đó, nay ông L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L1 có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng và trả lại cho ông L diện tích đất 106,8m² thuộc thửa số 185 tờ bản đồ số 01 xã B (xã B, huyện L), tỉnh Đồng Nai. Nay diện tích đất nêu trên thuộc thửa số 32 tờ bản đồ 22 xã B, tỉnh Đồng Nai được đo đạc theo các cột mốc số 1', 2', 3, 2 theo Bản đồ hiện trạng thửa đất số 4018/2023 ngày 01/8/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ, chi nhánh L3.

Tại phiên toà, ông L và bà L1 thống nhất thoả thuận bà L1 trả diện tích đất nêu trên cho ông L và ông L có trách nhiệm hỗ trợ cho bà L1 số tiền 75.000.000đ.

Ngoài ra ông L không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Đoàn Thị L1 uỷ quyền cho ông Đặng Hữu Đ đại diện trình bày:

Phần đất diện tích 259,4m² thuộc thửa số 185 tờ bản đồ số 01 xã B (xã B, huyện L), tỉnh Đồng Nai nay là thửa số 32 tờ bản đồ 22 xã B có nguồn gốc do ông Đoàn Văn S tặng cho bà năm 1997. Từ năm 1997 vợ chồng bà L1 sử dụng cho đến nay. Việc ông S tặng cho đất nhưng đã thất lạc giấy tặng cho. Việc tặng cho đất không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng thực. Khi ông S tặng cho quyền sử dụng đất thì ông S chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay tại phiên toà, ông L đồng ý hỗ trợ bà L1 số tiền 75.000.000đ thì bà L1 đồng ý và xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L1. Bà L1 đồng ý tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng, chuồng trại trên đất và trả lại cho ông L diện tích đất 106,8m² thuộc thửa số 185 tờ bản đồ số 01 xã B (xã B, huyện L), tỉnh Đồng Nai. Nay diện tích đất nêu trên thuộc thửa số 32 tờ bản đồ 22 xã B, tỉnh Đồng Nai được đo đạc theo các cột mốc số 1', 2', 3, 2 theo Bản đồ hiện trạng thửa đất số 4018/2023 ngày 01/8/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ, chi nhánh L3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Y trình bày: Bà Y là vợ của ông L. Bà đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn L2 trình bày tại bút lục 260-261: Ông là chồng của bà Đoàn Thị L1. Ông Đoàn Văn S nhận chuyển nhượng của ông Lê Thanh H1 phần đất 5.000m² nhưng chưa có sổ tờ, sổ thửa và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1997, ông S tặng cho bà Đoàn Thị L1 200m² đất và vợ chồng ông sử dụng làm chuồng trại chăn nuôi cho đến nay. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã thất lạc. Ông L2 không đồng ý theo yêu cầu của ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn S trình bày:

Năm 1996 ông có cho bà L1 một phần đất diện tích khoảng 200m² để làm nhà tạm sinh sống. Diện tích đất tặng cho nêu trên ông S chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không xác định được số tờ, số thửa đất. Việc tặng cho có làm giấy tay nhưng đã thất lạc, không còn để cung cấp cho Tòa án.

Nay tại phiên tòa, bà L1 đồng ý trả lại cho ông L diện tích đất tranh chấp là 106,8m² thuộc thửa số 185 tờ bản đồ số 01 xã B (xã B, huyện L), tỉnh Đồng Nai thì ông đồng ý và không có ý kiến gì. Nay diện tích đất nêu trên thuộc thửa số 32 tờ bản đồ 22 xã B, tỉnh Đồng Nai được đo đạc theo các cột mốc số 1', 2', 3, 2 theo Bản đồ hiện trạng thửa đất số 4018/2023 ngày 01/8/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ, chi nhánh L3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày:
(Bút lục 258):

Ông Đoàn Văn S nhận chuyển nhượng của ông Lê Thanh H1 phần đất 5.000m² nhưng chưa có số tờ, số thửa và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1997, ông S tặng cho bà Đoàn Thị L1 200m² đất và vợ chồng bà L1 sử dụng trồng lúa và làm chuồng trại chăn nuôi cho đến nay. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã thất lạc.

Bà T1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh H1 và bà Đoàn Thanh S1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 185 tờ bản đồ số 1, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai có diện tích khoảng 241m² là cha mẹ ông Lê Thanh H1 cho ông H1. Sau đó, ông H1 cho lại vợ là bà Đoàn Thanh S1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, thửa đất 185, tờ bản đồ số 1 xã B là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà là ông Lê Thanh H1 và bà Đoàn Thanh S1. Vào năm 2008, vợ chồng bà có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06 tháng 6 năm 2008 để chuyển nhượng cho ông Trần Ngọc L diện tích đất nêu trên. Vợ chồng bà có rất nhiều thửa đất chuyển nhượng cho người nhiều khác nhau, trong đó có thửa đất khác bán cho ông Đoàn Văn S nhưng không thể nhớ là thửa đất nào. Đối với thửa đất chuyển nhượng cho ông Trần Ngọc L thửa số 185 tờ bản đồ số 01 xã B có lập hợp đồng và chỉ ranh giới rõ ràng giao cho ông L quản lý sử dụng. Vợ chồng bà đã nhận tiền đầy đủ và giao cho ông L quản lý, sử dụng đất. Vợ chồng bà không có bất cứ tranh chấp gì, không yêu cầu khởi kiện gì. Ông H1 và bà S1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã B vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Đồng Nai:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy nguồn gốc thửa đất 185 tờ bản đồ số 01 xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai do bà Đoàn Thanh S1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà S1 chuyển nhượng cho ông L năm 2008 và ông L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn bà L1 cho rằng diện tích đất tranh chấp nêu trên do ông Đoàn Văn S tặng cho vào năm 1997 nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Ông S cũng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên toà, bà L1 đồng ý rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và đồng ý tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc trên đất để trả lại cho ông L diện tích 106,8m² thuộc thửa số 185 tờ bản đồ 01 xã B (nay thuộc thửa số 32 tờ bản đồ 22 xã B, tỉnh Đồng Nai. Ông L đồng ý hỗ trợ lại bà L1 số tiền 75.000.000đ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn hỗ trợ bị đơn số tiền 75.000.000đ. Đề nghị đình chỉ xét xử đối với việc bà L1 rút yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Bà Lê Thị Y, ông Phạm Văn L2, bà Nguyễn Thị T1, bà Đoàn Thanh S1, ông Lê Thanh H1 và UBND xã B vắng mặt nhưng đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp;

Nguyên đơn ông Trần Ngọc L khởi kiện bà Đoàn Thị L1 về việc yêu cầu tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc và trả lại diện tích đất tranh chấp. Bị đơn khởi kiện phản tố yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đoàn Thanh S1 và ông Trần Ngọc L là vô hiệu và công nhận diện tích đất 259,4m² thuộc thửa số 185 tờ bản đồ số 01 xã B (xã B, huyện L), tỉnh Đồng Nai nay là thửa số 32 tờ bản đồ 22 xã B cho bà L1 được quyền quản lý sử dụng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ công trình xây dựng trên đất”.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc L:

Ông L yêu cầu bà Đoàn Thị L1 và ông Phạm Văn L2 tháo dỡ công trình xây dựng, chuồng trại chăn nuôi trên đất để trả lại diện tích đất 106,8m² thuộc thửa số 185 tờ bản đồ số 01 xã B, tỉnh Đồng Nai nay thuộc một phần thửa số 32 tờ bản đồ 22 xã B, tỉnh Đồng Nai. Xét thấy, thửa số 185 tờ bản đồ số 01 xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai có nguồn gốc do ông Trần Ngọc L nhận chuyển nhượng của bà Đoàn Thanh S1 vào năm 2008 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2012. Đối với việc bị đơn khai diện tích đất trên có nguồn gốc là do ông Đoàn Văn S nhận chuyển nhượng của ông Lê Thanh H1; sau đó, ông S tặng cho lại bà Đoàn

Thị L1 200m² nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh; khi tặng cho ông S cũng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ông S không có chứng cứ gì thể hiện diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng của ông S. Mặt khác, ông Lê Thanh H1 xác định là không chuyển nhượng thửa số 185 cho ông S mà ông Hoàng T2 cho vợ ông là bà Đoàn Thanh S1 thửa đất nêu trên, sau đó bà S1 chuyển nhượng lại thửa đất 185 nêu trên cho ông L. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ xác định thửa đất 185 tờ bản đồ số 01 xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai là do ông Trần Ngọc L nhận chuyển nhượng hợp pháp của bà Đoàn Thanh S1 nên thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông L.

Tại phiên toà, ông Trần Ngọc L đồng ý hỗ trợ cho bà Đoàn Thị L1 số tiền 75.000.000đ và bà L1 đồng ý tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng chuồng trại chăn nuôi trên đất để trả lại cho ông Trần Ngọc L diện tích 106,8m² thuộc thửa số 185 tờ bản đồ 01 xã B (nay thuộc thửa số 32 tờ bản đồ 22 xã B, tỉnh Đồng Nai nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Ngọc L, buộc bà L1 và ông L2 có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng, chuồng trại trên đất và trả lại cho ông Trần Ngọc L diện tích đất 106,8m² thuộc thửa số 185 tờ bản đồ 01 xã B (nay thuộc thửa số 32 tờ bản đồ 22 xã B, tỉnh Đồng Nai là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 100, 166 Luật đất đai năm 2013; Điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Ngọc L hỗ trợ cho bà Đoàn Thị L1 số tiền 75.000.000đ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện phản tố của bà Đoàn Thị L1:

Tại phiên toà, bà L1 xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện phản tố nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà L1.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Đoàn Thị L1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng được trừ vào 2.750.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0015818 ngày 17/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Ngọc L do ông L là người cao tuổi.

Hoàn trả cho ông Trần Ngọc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0009396 ngày 05/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Về chi phí tố tụng: Ông Trần Ngọc L và bà Đoàn Thị L1 thoả thuận mỗi bên chịu ½ tiền chi phí thụ thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản tranh chấp là 9.554.750 đồng.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Đồng Nai về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bị đơn là phù hợp với nhận định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 106 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc L đối với bị đơn bà Đoàn Thị L1 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ công trình xây dựng trên đất”.

Buộc bà Đoàn Thị L1 và ông Phạm Văn L2 có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng chuồng trại chăn nuôi (kết cấu: Móng gạch, cột bê tông cốt thép + cột sắt; xà gỗ sắt; mái tôn; tường bao quanh dày 100mm, cao 1,8m; tường ngăn dày 100mm, cao trung bình 0,9m; nền bê tông xi măng) và trả lại cho ông Trần Ngọc L diện tích đất 106,8m² thuộc thửa số 32 tờ bản đồ số 22 xã B (xã B, huyện L), tỉnh Đồng Nai. Diện tích đất trên được giới hạn bởi các mốc số 1', 2', 3, 2 theo Bản đồ hiện trạng thửa đất số 4018/2023 ngày 01/8/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ, chi nhánh L3 để thực hiện.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Ngọc L có trách nhiệm hỗ trợ cho bà Đoàn Thị L1 số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bà Đoàn Thị L1 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Đoàn Thanh S1 với ông Trần Ngọc L là vô hiệu và đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị L1 về việc công nhận diện tích đất 259,4m² thuộc thửa số 185 tờ bản đồ số 01 xã B (xã B, huyện L), tỉnh Đồng Nai nay là thửa số 32 tờ bản đồ 22 xã B, tỉnh Đồng Nai cho bà L1 được quyền quản lý, sử dụng.

Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Đoàn Thị L1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 600.000đồng được trừ vào

2.750.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015818 ngày 17/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Ngọc L.

Hoàn trả cho ông Trần Ngọc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009396 ngày 08/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Ngọc L phải nộp tiền lệ phí thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản tranh chấp là 9.554.750 đồng (Chín triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng); ông L đã nộp xong.

Bà Đoàn Thị L1 phải nộp tiền lệ phí thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản tranh chấp là 9.554.750 đồng (Chín triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng); do ông L đã nộp trong quá trình tố tụng nên bà L1 có trách nhiệm trả lại ông L số tiền 9.554.750 đồng (Chín triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng) nêu trên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 2- Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Lâm